

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÙNG DŨNG BN

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÙNG DŨNG BN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG DUNG BN TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301305496

3. Ngày thành lập: 04/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu phố Giữa, Phường An Bình, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0367228499

Fax:

Email: hungdungbn2024@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
7.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
8.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
9.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
10.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
11.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
12.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
13.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
14.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
15.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ sản xuất vàng)	2420
16.	Đúc sắt, thép (Trừ sản xuất vàng miếng)	2431
17.	Đúc kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2432
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
23.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
24.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
25.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
26.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
27.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
28.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
29.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
30.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
31.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
32.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
33.	Xây dựng nhà để ở	4101
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Xây dựng công trình điện	4221
38.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
39.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
40.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41.	Xây dựng công trình thủy	4291
42.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
43.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
44.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
45.	Phá dỡ (Trừ hoạt động gây nổ bằng bom, mìn)	4311
46.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động gây nổ bằng bom, mìn)	4312
47.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
48.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

52.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
53.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược)	4649(Chính)
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
57.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
58.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773
62.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
63.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên,-Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4789
64.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
65.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020

66.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc và bản đồ (Khoản 6 Điều 1 Nghị định 136/2021/NĐ-CP) - Khảo sát xây dựng (Điều 91 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 92 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Điều 93 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng (Điều 96 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Dịch vụ tư vấn: Tư vấn đấu thầu (Khoản 4 Điều 4 Luật đấu thầu 2023) - Lập hồ sơ mời thầu (Điều 24, 35, 61 Nghị định 24/2024/NĐ-CP) - Kiểm định xây dựng (Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 98 Nghị định 15/2021/NĐ-CP) - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 94 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	7110
67.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
68.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
69.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Điều 21 Nghị định 145/2020/NĐ-CP)	7830
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại năm 2005)	8299
71.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN BÁ DŨNG	Việt Nam	Khu phố Giữa, Phường An Bình, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	4.000.000.000	80,000	027087001496	
2	LÊ THỊ HƯỜNG	Việt Nam	Khu phố Cả, Phường Hồ, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	027191001427	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN BÁ DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/02/1987

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027087001496

Ngày cấp: 29/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Khu phố Giữa, Phường An Bình, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố Giữa, Phường An Bình, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh